TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Bà Lâm Thị Tám.

- Thư ký phiên toà: Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa N A, xã Hòa T 2, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 117, ấp Hòa N A, xã Hòa T 2, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- *Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên:* Cháu Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 30/6/2008 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa N A, xã Hòa T 2, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 21/02/2018, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Mộng T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2007. Đến tháng 01 năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Hòa Tú 2. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm. Đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, ông H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nên kể từ tháng 12 năm 2016 vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay. Bà T xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông H không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H có một người con chung tên Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 30/6/2008 hiện nay đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được quyền nuôi con. Không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Văn H không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Học cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa, con chung là cháu Nguyễn Nhật Đ trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mộng T; Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Mộng T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 30/6/2008 đến tuổi trưởng thành (theo nguyện vọng của cháu Đ); Ông Nguyễn Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Văn H đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông H vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tú 2. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, vì kể từ tháng 12 năm 2016 đến nay bà và ông H không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông H, kể từ khi bà gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án, bà và ông H không còn liên hệ với nhau, giữa bà và ông H không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mộng T.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn H có một người con tên Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 30/6/2008, hiện nay con chung đang sống với bà Trinh. Bà Trinh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông Học cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Nhật Đ hiện nay đang sống với bà Trinh và tại phiên tòa cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ, nguyện vọng của cháu Đăng là hợp lý và chính đáng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Lê Thị Mộng T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Nhật Đ (theo nguyện vọng của cháu Đăng) đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Mộng T là người trực tiếp nuôi con, nhưng bà Trinh cho rằng đủ khả năng để nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận ý kiến của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Thị Mộng T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1

Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng T được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn Học.

Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Mộng T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 30/6/2008 đến tuổi trưởng thành (theo nguyện vọng của cháu Đ).

Ông Nguyễn Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008991 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký hộ tịch;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ